

Số: 114 /QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 15 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Hải Dương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/ 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2021);

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương, Trường phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Hải Dương (có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- UBND tỉnh Hải Dương (báo cáo);
- Chủ tịch HĐT;
- Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH&SĐH.



TS. Vũ Đức Lễ

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**
Mã số: 8310110

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-ĐHHD ngày 15 tháng 4 năm 2022
của Trường Đại học Hải Dương)*

Tên chương trình đào tạo tiếng Việt	: Thạc sĩ Quản lý kinh tế
Tên chương trình đào tạo tiếng Anh	: Master of Economic Management
Chuyên ngành đào tạo	: Quản lý kinh tế
Trình độ đào tạo	: Thạc sĩ
Định hướng	: Ứng dụng
Mã ngành	: 8310110
Thời gian	: 2 năm

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng giúp học viên có kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế; Học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế có khả năng làm việc độc lập, đủ năng lực để giải quyết các vấn đề chuyên môn có độ phức tạp cao tại cơ quan nhà nước, đơn vị, doanh nghiệp; Có năng lực tổ chức, quản lý điều hành; Có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

1.2. Mục tiêu cụ thể (PG)

1.2.1. Mục tiêu kiến thức

PG1: Đào tạo các nhà quản lý kinh tế nắm vững tri thức chuyên ngành quản lý kinh tế để có thể nghiên cứu, giảng dạy và làm việc trong các cơ quan, tổ chức kinh tế từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Có khả năng tổ chức quản lý kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế và tổ chức tư vấn tại các đơn vị và tổ chức khác. Nắm vững tri thức về triết học cũng như quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về kinh tế.

1.2.2. Mục tiêu kỹ năng

PG2: Người học sau khi tốt nghiệp có các kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, nghiên cứu vấn đề và xử lý các tình huống quản lý kinh tế nảy sinh trong thực tiễn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; Dự báo, phản biện, hoạch định, tổ chức, quản lý các

kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách kinh tế tại các cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực và tại doanh nghiệp; Thảo luận, giao tiếp và làm việc nhóm; Có kỹ năng viết, trình bày và phản biện báo cáo, đề án, tình huống thuộc lĩnh vực chuyên môn; Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế; Có thể làm việc độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý kinh tế.

1.2.3. Thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PG3: Có ý chí vượt khó, tinh thần tích cực; Có đủ năng lực làm việc độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc phụ trách; Có tư tưởng chính trị ổn định, có chứng kiến; Hiểu biết và chấp hành luật pháp và qui định của tổ chức; Có khả năng phát triển bản thân và tự thích nghi với sự thay đổi của môi trường; Có sức khỏe tốt để làm việc.

2. Chuẩn đầu ra

Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế bậc thạc sĩ theo định hướng ứng dụng gồm 11 chuẩn đầu ra (PLO). Học viên tốt nghiệp phải đạt các yêu cầu năng lực sau đây:

2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

- **PLO1:** Hiểu được thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng, các quy luật và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các học phần khác. Có phương pháp luận và khả năng nghiên cứu, tư duy logic, phân tích, giải quyết được những vấn đề mới trong lĩnh vực quản lý, kinh tế, quản trị về cả lý luận và thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của Việt Nam và thế giới ngày nay.

2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Có kiến thức cơ bản về nguyên lý quản trị, kinh tế và quản lý gồm kinh tế học nâng cao, khoa học quản lý, kinh tế quốc tế v.v; Hiểu và vận dụng dụng các qui định pháp luật của nhà nước về kinh tế, kinh doanh; Vận dụng các quy luật kinh tế, kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế để giải quyết những tình huống cụ thể.

2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- **PLO3:** Hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế trong thực tiễn như: Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý thuế, Quản lý tài chính công, Quản lý dự án đầu tư, Phân tích Kinh tế - Tài chính; Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý thương mại quốc tế, Quản lý tài sản công, Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ v.v.

- **PLO4:** Đánh giá được thực trạng và những vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn, áp dụng kiến thức quản lý kinh tế, đồng thời có khả năng sử dụng sáng tạo các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường luôn thay đổi.

2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng hoạch định, tư vấn

PLO5: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, phản biện, hoạch định, tư vấn xây dựng, phối hợp đưa ra các quyết định để giải quyết, ứng biến các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý kinh tế; Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, thẩm định kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể trong công tác quản lý và hoạt động chuyên môn; Đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề chuyên môn về quản lý kinh tế.

2.2.2. Kỹ năng lãnh đạo, điều hành tổ chức

PLO6: Có kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và điều hành đơn vị; Kỹ năng tổ chức hội họp; Truyền đạt, giới thiệu kiến thức mới về Quản lý kinh tế; Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công liên quan đến quản lý kinh tế.

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp, thảo luận, báo cáo, làm việc nhóm và tạo dựng các mối quan hệ

PLO7: Đàm phán, diễn thuyết, thảo luận và giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động của lĩnh vực chuyên môn và trong cuộc sống. Xây dựng được các mối quan hệ tốt với đồng nghiệp tại cơ quan và cộng đồng. Quy tụ và điều phối đội nhóm. Có khả năng viết, phản biện và trình bày báo cáo về lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

d) Kỹ năng ngoại ngữ

PLO8: Có khả năng đọc hiểu và trình bày báo cáo chuyên môn về quản lý kinh tế bằng ngoại ngữ. Đạt năng lực tiếng Anh chuẩn đầu ra theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo.

2.3. Chuẩn đầu ra về thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm

2.3.1. Thái độ

PLO9: Cầu thị, ham học hỏi, vượt khó vươn lên trong học tập và công tác; Phần đầu trở thành chuyên gia, cán bộ giỏi và chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế; có trách nhiệm với công việc được giao; Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa - xã hội; Thực hiện tốt trách nhiệm công dân và có quan hệ cộng đồng tốt; Chấp hành đường lối, chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, qui định tại nơi làm việc.

2.3.2. Mức độ tự chủ

PLO10: Tự định hướng, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức mới về quản trị, quản lý kinh tế. Giải quyết được các vấn đề, tình huống phát sinh trong lĩnh vực chuyên môn một cách khoa học và sáng tạo.

2.3.3. Mức độ tự chịu trách nhiệm

PLO11: Có phẩm chất đạo đức của nhà quản lý, tác phong chuyên nghiệp, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có khả năng quy tụ, dẫn dắt và phát huy trí tuệ và tinh thần tập thể trong công tác quản lý và chuyên môn.

Ghi chú:

Trình độ năng lực đánh giá theo thang năng lực Bloom, cụ thể:

1- **Chuẩn Kiến thức (1-6):** 1- Ghi nhớ; 2- Hiểu; 3- Áp dụng; 4- Phân tích; 5- Đánh giá; 6- Sáng tạo

2 - **Chuẩn Kỹ năng (1-5):** 1- Bất chước; 2- Làm được; 3- Chính xác; 4- Phối hợp; 5- Thuần thục.

3 - **Chuẩn mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm (1-5):** 1- Tiếp nhận; 2- Đáp ứng; 3- Đánh giá thảo luận; 4- Tổ chức thực hiện; 5- Đặc trưng hóa.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ

3.1. Số học phần phải tích lũy: 21 học phần

3.2. Số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ.

- Khối kiến thức chung: 8 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 52 tín chỉ, trong đó:

+ Bắt buộc: 23 TC (cơ sở ngành: 2 HP (6 TC); chuyên ngành: 5 HP (17 TC)

+ Tự chọn: 20 TC (cơ sở ngành: 3 HP 6 TC; chuyên ngành: 7 HP 14 TC)

+ Đề án tốt nghiệp: 09 TC. Đề tài đề án tốt nghiệp thạc sĩ do học viên đề xuất phù hợp với định hướng chuyên sâu của các học phần chuyên ngành bắt buộc.

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo qui chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Hải Dương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Theo qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định của Trường Đại học Hải Dương về đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Hoàn thành các học phần thuộc chương trình đào tạo.

- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Theo thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 30 tháng 8 năm 2021.

- Có đủ điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Hải Dương và bảo vệ đề án đạt yêu cầu.

6. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng, người học có khả năng đảm nhận các vị trí công việc tại đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, các trường đại học, các viện nghiên cứu cụ thể:

- Làm chuyên viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, sở ban ngành, đơn vị hành chính sự nghiệp và địa phương, doanh nghiệp liên quan đến quản trị, quản lý kinh tế; tổ chức, hoạch định, xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế; quản lý thương mại; quản lý tài sản công, quản lý thuế....

- Làm chuyên gia tư vấn, phân tích và thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý, trên cơ sở đó tư vấn giúp các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đúng các chủ trương, chính sách kinh tế của nhà nước.

- Làm giảng viên giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học khối ngành Kinh tế, Quản trị.

- Tự thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ ở bậc tiến sĩ khối ngành Kinh tế, Quản lý tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài; Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức mới và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí và môi trường công tác cụ thể.

7. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hải Dương

8. Nội dung chương trình

8.1. Cấu trúc kiến thức

**Bảng 01: Cấu trúc kiến thức trong chương trình đào tạo thạc sĩ
Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng**

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức chung	08
2	Kiến thức cơ sở	12
	1. Học phần bắt buộc	6
	2. Học phần tự chọn	6
3	Kiến thức chuyên ngành	40
	1. Học phần bắt buộc	17
	2. Học phần tự chọn	14
	3. Đề án tốt nghiệp	9
Tổng số học phần/tín chỉ		21/60

8.2. Khung chương trình

Bảng 02: Khung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế

Số TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (Tín chỉ)		
	Phân chữ	Phân số		Tổng số	LT	TL
1	Khối kiến thức chung:			8	4	4
1	THML	501	Triết học	4	2	2
2	PPNC	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	2	1	1
3	TATM	503	Tiếng Anh	2	1	1
2	Khối kiến thức cơ sở:			12	7	5
2.1	Các học phần bắt buộc:			6	4	2
1	KTHN	504	Kinh tế học nâng cao	3	2	1
2	KHQL	505	Khoa học quản lý	3	2	1
2.2	Các học phần tự chọn: học viên chọn 3 trong 8 học phần			6	3	3
1	KTCC	506	Kinh tế học công cộng	2	1	1
2	KTQH	507	Kinh tế quốc tế	2	1	1
3	KTPT	508	Kinh tế phát triển	2	1	1
4	KTĐT	509	Kinh tế đầu tư	2	1	1
5	KTLU	510	Kinh tế lượng ứng dụng	2	1	1
6	TCTT	511	Tài chính- tiền tệ	2	1	1
7	LKT	512	Luật kinh tế	2	1	1
8	QTH	513	Quản trị học	2	1	1
3	Khối kiến thức chuyên ngành			31	17	14
3.1	Các học phần bắt buộc:			17	10	7
1	QLNN	514	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	1
2	DAĐT	515	Quản lý dự án đầu tư	3	2	1
3	QTDN	516	Quản trị doanh nghiệp	3	2	1
4	QLTC	517	Quản lý tài chính công	3	2	1
5	PTKT	518	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3	2	1
6	CBTT	519	Chuyên đề thực tế	2		2
3.2	Các học phần tự chọn: học viên chọn 7 trong 10 học phần			14	7	7
1	TCTT	520	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ	2	1	1
2	QLT	521	Quản lý thuế	2	1	1
3	QLTSC	522	Quản lý tài sản công	2	1	1
4	QLNNL	523	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	2	1	1
5	QLASXH	524	Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo	2	1	1
6	QLNNNT	525	Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	1	1

Số TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (Tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TL
7	QLNLMT	526	Quản lý năng lượng và môi trường	2	1	1
8	QLKHCN	527	Quản lý khoa học và công nghệ	2	1	1
9	QLTMQT	528	Quản lý thương mại quốc tế	2	1	1
10	TLHLĐ	529	Tâm lý học lãnh đạo quản lý	2	1	1
3.3	ĐATHS	530	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9		9
Tổng cộng				60	28	32

(Ghi chú: LT - Lý thuyết, TL - Thảo luận)

8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Bảng 03: Kế hoạch phân kỳ học tập toàn khóa

TT	Tên học phần	Số TC	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4
1	Khối kiến thức chung:	8				
1	Triết học	4	4			
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	2	2			
3	Tiếng Anh	2	2			
2	Khối kiến thức cơ sở:	12				
2.1	Học phần bắt buộc	6				
1	Kinh tế học nâng cao	3	3			
2	Khoa học quản lý	3	3			
2.2	Học phần tự chọn: học viên chọn 3 trong 8 học phần	6				
1	Kinh tế học công cộng	2	2			
2	Kinh tế quốc tế	2	2			
3	Kinh tế phát triển	2		2		
4	Kinh tế đầu tư	2	2			
5	Kinh tế lượng ứng dụng	2	2			
6	Tài chính - tiền tệ	2	2			
7	Luật kinh tế	2	2			
8	Quản trị học	2	2			
3	Khối kiến thức chuyên ngành:	29				
3.1	Học phần bắt buộc	15				
1	Quản lý nhà nước về kinh tế	3		3		

2	Quản lý dự án đầu tư	3		3		
3	Quản trị doanh nghiệp	3		3		
4	Quản lý tài chính công	3		3		
5	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3		3		
6	Chuyên đề thực tế	2			2	
3.2	<i>Học phần tự chọn: học viên chọn 7 trong 10 học phần</i>	14				
1	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ	2			2	
2	Quản lý thuế	2			2	
3	Quản lý tài sản công	2			2	
4	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	2			2	
5	Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo	2			2	
6	Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	2			2	
7	Quản lý năng lượng và môi trường	2			2	
8	Quản lý khoa học và công nghệ	2			2	
9	Quản lý thương mại quốc tế	2			2	
10	Tâm lý học lãnh đạo quản lý	2			2	
3.3	<i>Đề án tốt nghiệp</i>	9				
1	Đề án tốt nghiệp	9				9
Tổng số học phần/Số tín chỉ		21/60	7/18	7/18	8/16	9

5	Kinh tế lượng ứng dụng	2	X						X				X		X		X		X		X		X		X
6	Tài chính - tiền tệ	2	X						X				X		X		X		X		X		X		X
7	Luật kinh tế	2	X						X				X		X		X		X		X		X		X
8	Quản trị học	2	X						X				X		X		X		X		X		X		X
III	Khối kiến thức chuyên ngành:	31																							
3.1	<i>Học phân bắt buộc</i>	17																							
1	Quản lý nhà nước về kinh tế	3						X	X			X		X		X		X		X		X		X	
2	Quản lý dự án đầu tư	3						X	X			X		X		X		X		X		X		X	
3	Quản trị doanh nghiệp	3						X	X			X		X		X		X		X		X		X	
4	Quản lý tài chính công	3						X	X			X		X		X		X		X		X		X	
5	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3						X	X			X		X		X		X		X		X		X	
6	Chuyên đề thực tế	3						X	X			X		X		X		X		X		X		X	
3.2	<i>Học phân tự chọn (học viên lựa chọn 7 trong mười học phân)</i>	14																							
1	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ	2					X		X				X		X		X		X		X		X		X
2	Quản lý thuế	2					X		X				X		X		X		X		X		X		X
3	Quản lý tài sản công	2					X		X				X		X		X		X		X		X		X
4	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	2					X		X				X		X		X		X		X		X		X

9. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 02 năm, mỗi năm có 02 kỳ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Học viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau học viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ,

- Học viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Điều kiện tốt nghiệp: Học viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, hoàn thành đề án tốt nghiệp thạc sĩ và bảo vệ thành công đề án, đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định, và các quy định khác của trường.

10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

10.1. Triết học: 04 TC (Mã học phần: THML501)

Vai trò, vị trí của học phần: Triết học là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Tạo phong kiến thức rộng để học viên nghiên cứu các học phần khác trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế.

Nội dung cơ bản của học phần: Giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bản thể luận; Phép biện chứng; Nhận thức luận; Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; Triết học chính trị; Ý thức xã hội; Triết học về con người.

Mục tiêu của học phần: Giúp học viên có được kiến thức triết học cơ bản, nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới; Nâng cao năng lực thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

10.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế: 2TC (Mã học phần: PPNC 502)

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế là cơ sở phương pháp luận cơ bản để học viên học tập và nghiên cứu các học phần khác trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế. Học phần Phương pháp

nghiên cứu khoa học kinh tế là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng, phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, quản trị, ngân hàng, tài chính và kế toán, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, tổ chức thu thập số liệu, thiết kế đo lường và xử lý, phân tích dữ liệu nhằm đánh giá bản chất và quy luật của vấn đề nghiên cứu. Đặc biệt giúp học viên phát triển kỹ năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và viết đề án tốt nghiệp thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Đại cương về PP NCKH, NCKH kinh tế; Trình tự Nghiên cứu khoa học; Đề cương nghiên cứu và các bước chứng minh giả thuyết khoa học; Phương pháp thu thập thông tin và xử lý thông tin; Viết Báo cáo khoa học.

10.3. Kinh tế nâng cao (Mã học phần: KTHN 503): 3TC

Vai trò, vị trí của học phần: Kinh tế học nâng cao là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Cung cấp kiến thức chuyên sâu về kinh tế vi mô và vĩ mô mang tính ứng dụng cao vào thực tiễn. Là cơ sở phương pháp luận về kinh tế học trong nền kinh tế thị trường, tạo phong kiến thức rộng để học viên nghiên cứu các học phần khác trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế.

Nội dung cơ bản của học phần: Phần thứ nhất kinh tế vi mô. Trong phần này, học viên được ôn tập lại các vấn đề căn bản về thị trường tự do và thị trường có sự điều tiết của chính phủ; hành vi người tiêu dùng và hành vi nhà sản xuất, các cấu trúc thị trường khác nhau trong nền kinh tế thị trường, trên cơ sở đó phát triển nâng cao năng lực vận dụng các nguyên lý căn bản về kinh tế học vi mô vào thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế. Phần thứ hai các vấn đề của kinh tế vĩ mô gồm các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua các lí thuyết và mô hình, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở, trên cơ sở đó phát triển nâng cao năng lực vận dụng các nguyên lý căn bản về kinh tế học vĩ mô vào thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế.

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức và kỹ năng nâng cao về vận dụng các nguyên lý căn bản về kinh tế học vào thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế như lý thuyết về cung, cầu, hành vi người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất, chi phí, lý thuyết về tiền tệ, chính sách tài khóa, lạm phát.

10.4. Khoa học quản lý (Mã học phần: KHQL 504): 3TC

Vai trò, vị trí của học phần: Khoa học quản lý có tính ứng dụng cao, mang tính liên ngành. Phát triển nhanh cả về cơ sở lý thuyết và cơ sở kỹ thuật, công nghệ. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý. Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Hệ thống và nâng cao các vấn đề lý luận và thực tiễn về bản chất, vai trò, đặc điểm của quản lý, lịch sử tư tưởng quản lý, chức năng của quản lý, các nguyên tắc của quản lý, mục tiêu và động lực trong quản lý, các phương pháp quản lý, các công cụ quản lý, cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin trong hoạt động quản lý, quyết định quản lý, lao động quản lý.

Mục tiêu của học phần: Trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về khoa học quản lý. Sau khi học xong phần này học viên có thể vận dụng kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn, đặc biệt trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước.

10.5. Tiếng Anh (Mã học phần: TATM 505): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Tiếng Anh là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, nội dung kiến thức được biên soạn cho người học đã đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực tiếng Anh 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nội dung cơ bản của học phần: **Module 1: Leisure and Lifestyle; Module 2: Important Firsts; Module 3: Appearances + Module 4: Ambitions and Dreams; Module 4: (Cont) + Module 5: Countries and Cultures; Module 5: (Cont) + Module 6: Got to have it; Module 6: (Cont) + Module 7: Money, money, money; Module 7: (Cont) + Module 8: (Cont) + Test.**

Mục tiêu chung của học phần: Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể phát triển kỹ năng nghe nói đọc viết, hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu biểu (standard input), rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v; có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ; có thể viết đơn giản nhưng liên kết các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

10.6. Kinh tế công cộng (Mã học phần: KTCC 506): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Nghiên cứu về vai trò, nhiệm vụ và chức năng của Khu vực công, đồng thời cả những phương pháp và nguyên tắc hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cung cấp những kiến thức tổng quan để

phân biệt về các loại hàng hóa công cộng trong thực tế bao gồm hàng hóa công thuần túy, không thuần túy... làm cơ sở cho sự can thiệp của nhà nước ở các thị trường này. Ngoài ra học phần còn phân tích các vấn đề lựa chọn công, đánh giá các chương trình chi tiêu công cộng của chính phủ, chính sách can thiệp của chính phủ đến lợi ích của người dân và phúc lợi xã hội nói chung. Học phần Kinh tế công cộng là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường về phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội, lựa chọn công cộng, các công cụ chính sách can thiệp của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

Mục tiêu của học phần: Học viên hiểu sâu được những nguyên tắc cơ bản của kinh tế công cộng. Đồng thời cũng trang bị một vài kỹ năng và ứng dụng lý thuyết trong phân tích chính sách làm cơ sở cho việc học các học phần khác ở bậc cao học

10.7. Kinh tế quốc tế (Mã học phần: KTQT 507): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Kinh tế quốc tế có vai trò quan trọng đối với những người nghiên cứu về kinh tế nói chung, đặc biệt là trong lĩnh vực ngoại thương và kinh tế học phát triển. Với xu thế quốc tế hóa nền kinh tế thế giới hiện nay, Kinh tế quốc tế càng có vị trí quan trọng. Bởi vì không có một chính sách kinh tế nào, một biến động chính trị - xã hội nào xảy ra ở nước này mà lại không ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến nền kinh tế các nước khác. Học phần Kinh tế quốc tế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học: Học phần chia thành ba bộ phận lớn: Phần thứ nhất: Học thuyết về thương mại quốc tế; Phần thứ hai: Chính sách thương mại quốc tế; Phần thứ ba: Toàn cầu hóa kinh tế và sự hội nhập của Việt Nam.

Mục tiêu của học phần: Học viên được trang bị các kiến thức về thương mại quốc tế, hiểu tại sao các quốc gia quan hệ thương mại với nhau, các quốc gia cần phải làm gì khi có quan hệ thương mại với nhau, quan hệ thương mại với nhau các quốc gia thu được lợi ích như thế nào; các chính sách chung của các quốc gia và quốc tế trong thương mại quốc tế, các tác động về kinh tế đến các đối tượng có liên quan khi quốc gia sử dụng các rào cản thương mại quốc tế, liên kết kinh tế một trong những xu hướng của kinh tế quốc tế hiện nay; Rèn luyện kỹ năng phân tích về thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế ngày nay, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực và toàn cầu; Củng cố và hoàn thiện nhân sinh quan, thế giới quan trong quan hệ thương mại quốc tế của Việt Nam.

10.8. Kinh tế phát triển (Mã học phần: KTPT 508): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, những lý thuyết mô hình, những vấn đề chủ yếu của nền kinh tế các nước đang phát triển, những vấn đề phải đương đầu và những vấn đề đặt ra cho các nước đang phát triển, làm rõ những vấn đề lý luận được áp dụng trong hoạt động kinh tế ở các nước đang phát triển và ở Việt Nam trên con đường phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. Học phần Kinh tế phát triển là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Trang bị các kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, tổng kết và nghiên cứu những cách thức để tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với sự công bằng xã hội. Các phạm trù cơ bản của học phần như TTKT, PTKT, các thước đo sự TTKT, các mô hình TTKT. Phân tích các nguồn lực để PTKT như vốn, tài nguyên, lao động và khoa học công nghệ, vấn đề nghèo đói, phân phối thu nhập và mất công bằng xã hội, các chính sách tài chính- tiền tệ, ngoại thương, đầu tư và nợ nước ngoài.

Mục tiêu của học phần: Giúp học viên tiếp cận với những chủ đề chính của kinh tế học phát triển và để khám phá những gợi ý chính sách của lý thuyết phát triển, các nghiên cứu thực nghiệm đã và đang diễn ra cho các quốc gia đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu các chủ thể mang tính kinh tế, xã hội, môi trường giáo dục, y tế, quản trị, thể chế. Các chủ thể này sẽ được tiếp cận dưới khía cạnh phát triển với mục đích giúp học viên tìm ra một khung phân tích chính sách liên quan cho từng chủ đề khác nhau tạo nền tảng cho việc phân tích tìm ra các gợi ý chính sách phát triển cho những quốc gia như Việt Nam đang đối diện với những thách thức đa dạng trong quá trình công nghiệp hóa; Rèn luyện kỹ năng phân tích về chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các nước trên thế giới; Củng cố và hoàn thiện nhân sinh quan, thế giới quan về phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các nước trên thế giới.

10.9. Kinh tế đầu tư (Mã học phần: KTĐT 509): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Kinh tế đầu tư là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn trong đầu tư phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn của quốc gia.

Nội dung cơ bản của học phần: Những vấn đề cơ bản của đầu tư và phát triển; Nguồn vốn đầu tư; Quản lý và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư; Kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển; Môi trường đầu tư; Rèn luyện kỹ năng lập, phân tích, tính toán, kiểm tra các dự án đầu tư, tìm kiếm thu thập thông tin liên quan đến các lĩnh vực đầu tư khác nhau của từng dự án và kỹ năng thuyết trình về dự án; Giúp học viên có thái độ đúng đắn đầy đủ về đầu tư phát triển.

Mục tiêu học phần: Cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế đầu tư, cơ sở khoa học của các vấn đề về kinh tế, tổ chức quản lý, đánh giá kết quả và hiệu quả trong hoạt động đầu tư, phương pháp lập và thẩm định các dự án đầu tư, vấn đề tổ chức và quản lý đầu tư trong đầu tư, vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

10.10. Kinh tế lượng ứng dụng (Mã học phần: KTLu 510): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Kinh tế lượng ứng dụng là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Cung cấp cho học viên cao học các phương pháp kinh tế lượng nâng cao giúp trang bị cho học viên một số phương pháp xử lý dữ liệu phù hợp với các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển... Đây là kiến thức nền tảng cần thiết cho người học trong việc xây dựng và phân tích định lượng thông qua các mô hình kinh tế lượng phục vụ việc đánh giá và hoạch định các chính sách trong chuyên ngành có liên quan.

Nội dung cơ bản của học phần: Mô hình hồi quy bội; Mô hình phi tuyến; Mô hình độ trễ thời gian; Mô hình với biến độc lập định tính; Mô hình với biến phụ thuộc lưỡng phân.

Mục tiêu học phần: Trang bị các phương pháp thống kê và các chương trình vi tính dùng để ước lượng các mô hình kinh tế, kiến thức của học phần này rất cần thiết cho học viên làm luận văn tốt nghiệp và hữu ích cho các công trình nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế. Cung cấp những kiến thức cơ bản về xây dựng, ước lượng, phân tích mô hình một phương trình. Sử dụng mô hình để dự báo khi biết giá trị của biến độc lập nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động kinh tế, kinh doanh, các kiến thức cơ bản cho người học về kỹ thuật sử dụng biến giả trong việc phân tích tác động của biến định tính đối với biến định lượng; Giúp cho người học có thể xây dựng, ước lượng, phân tích, đánh giá và dự báo với mô hình kinh tế lượng. Biết sử dụng một phần mềm chuyên dụng về thống kê và kinh tế lượng như MFIT3, EVIEWS, SPSS... giúp người học biết cách giải quyết bài toán kinh tế thông qua xây dựng mô hình kinh tế lượng và ứng dụng mô hình nhằm phân tích, dự báo để đưa ra các quyết định trong kinh tế và kinh doanh.

10.11. Tài chính tiền tệ (Mã học phần: TCTT 511): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về Tài chính - Tiền tệ để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển... Đây là kiến thức nền tảng cần thiết cho người học trong việc xây dựng và phân tích đánh giá và hoạch định các chính sách về Tài chính - Tiền tệ trong thực tiễn.

Nội dung cơ bản của học phần: Các quan điểm tiếp cận về phạm trù tài chính - tiền tệ; Các nguồn tài trợ cho phát triển kinh tế; Cấu trúc tài chính doanh nghiệp và khuynh hướng tài trợ doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Hệ thống tiền tệ và khủng hoảng tài chính - tiền tệ; Tự do hóa tài chính.

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực tài chính - tiền tệ. Học viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích sự vận hành của thị trường tài chính, thị trường tiền tệ; Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về tài chính tiền tệ, phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng. Có khả năng đánh giá thị trường tài chính trong sự phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp.

10.12. Luật kinh tế (Mã học phần: LKT 512): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về luật kinh tế để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế. Nội dung cơ bản của học phần gồm: Luật Kinh tế Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập; Nhà Kinh doanh trong môi trường cạnh tranh và hội nhập; Doanh nghiệp và tài sản doanh nghiệp; Tranh chấp trong kinh doanh.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho học viên nội hàm của pháp luật kinh tế Việt Nam trong điều kiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường; tác động của hội nhập lên quá trình xây dựng khung pháp luật Việt Nam. Giúp học viên có thể chọn lựa hình thức tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh phù hợp với khả năng của mình. Đồng thời hiểu rõ các trường hợp áp dụng pháp sản doanh nghiệp. Thông qua các chế định về đầu tư ở Việt Nam, giúp học viên hiểu biết và chọn lựa hình thức đầu tư hợp pháp. Hiểu biết cách thức thiết lập và thực hiện một giao dịch thương mại bằng hình thức hợp đồng, biết vận dụng các nguyên tắc ký kết và thực hiện hợp đồng trong thương mại tránh sai sót, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hiểu rõ những yêu cầu và cách

thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh phù hợp với lợi ích mong muốn. Giúp học viên có thái độ thận trọng và tuân thủ pháp luật trong kinh doanh.

10.13. Quản trị học (Mã học phần: QTH 513): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản trị học được thiết kế nhằm nâng cao kiến thức của các nhà quản trị trong việc phát huy tài năng và sức lực của cấp dưới hướng vào thực hiện mục tiêu của công ty và ứng phó hiệu quả với môi trường kinh doanh thay đổi, tính đặc thù của quản lý trong môi trường kinh doanh Việt Nam và những thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế đòi hỏi các nhà quản trị doanh nghiệp phát triển những kỹ năng quản trị mới trong bối cảnh hiện nay. Học phần Quản trị học là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Phát triển kỹ năng quản trị, quản trị và nhà quản trị, những thay đổi trong phong cách quản trị hiện nay, hoạch định, ra quyết định, tổ chức bộ máy doanh nghiệp, giao quyền, giải quyết vấn đề, các kỹ năng lãnh đạo và động viên hiệu quả, ứng dụng những lý thuyết và kỹ năng lãnh đạo và động viên vào thực tế quản lý kinh tế của Việt nam và các tổ chức doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần: Hiểu được quản trị, vai trò nhà quản trị đối với kết quả thực hiện mục tiêu của tổ chức. Nắm được môi trường, văn hóa ảnh hưởng thế nào đến doanh nghiệp. Hiểu và nhận diện được những quyết định quản trị khi ban hành, xác định được những cách thức ra và triển khai quyết định. Hiểu được các chức năng của quản trị bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra. Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề quản trị trong tổ chức; Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng; Hình thành và phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; Phát triển kỹ năng bình luận, thuyết trình trước công chúng. Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về hoạt động của tổ chức trong kinh doanh.

10.14. Quản lý nhà nước về kinh tế (Mã học phần: QLNN 514): 3TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, có quan hệ mật thiết với các học phần khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Đây là học phần tổng quát chung về quản lý nhà nước trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế. Từ đó, các học phần khác sẽ chia nhỏ thành quản lý nhà nước theo lĩnh vực hẹp hơn như Quản lý thuế, Quản lý thương mại quốc tế, Quản lý tài chính công, Quản lý dự án đầu tư v.v.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế; Qui luật và các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Công cụ và phương pháp quản lý của nhà

nước về kinh tế; Thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; Cán bộ lãnh đạo trong quản lý nhà nước về kinh tế.

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế: nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; thông tin và quyết định quản lý; bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế; Năm vững quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quản lý kinh tế. Có kỹ năng thuyết trình những vấn đề về quản lý kinh tế; Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế; Có khả năng độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế, giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về quản lý kinh tế.

10.15. Quản lý dự án đầu tư (Mã học phần: DADT 515): 3TC

Vai trò, vị trí của học phần: Luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án đầu tư, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Đồng thời, học phần cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Học phần Quản lý dự án đầu tư là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về quản lý dự án đầu tư; Quản lý thời gian và tiến độ dự án; Quản lý chi phí dự án đầu tư; Quản lý chất lượng và rủi ro dự án đầu tư.

Mục tiêu học phần: Trang bị kiến thức về quản lý dự án đầu tư dưới góc độ của doanh nghiệp cũng như quản lý nhà nước; hiểu được bản chất của công tác quản lý dự án cũng như vận dụng lý thuyết vào thực hành. Cụ thể: Biết và hiểu rõ các nguyên lý, khái niệm, thuật ngữ chuẩn về quản lý dự án; Có kiến thức cơ bản về vòng đời dự án, các thành phần chính trong dự án, xây dựng dự án và các phương pháp quản lý dự án; Hiểu được các kiến thức điển hình trong quản lý dự án; Có kiến thức cơ bản để quản lý dự án dưới góc độ tư nhân cũng như quản lý nhà nước. Có kỹ năng quản lý dự án thông qua ứng dụng các kiến thức được học vào lập dự án, đánh giá dự án và quản lý dự án; Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và khả năng tư duy độc lập; Kỹ năng xây dựng kế hoạch cho một dự án đầu tư; Lựa chọn được mô hình tổ chức quản lý dự án phù hợp với đặc điểm của từng gói thầu; Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết được các vấn đề trong các tình huống đánh đổi mục tiêu của quản lý dự án đầu tư. Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về quản lý dự án.

10.16. *Quản trị doanh nghiệp (Mã học phần: QTDN 516): 3TC*

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản trị doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản về các loại hình doanh nghiệp, phương thức quản trị doanh nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm kiến thức về công tác quản trị doanh nghiệp; kiến thức về tổ chức quản lý và đánh giá hiệu quả quản trị doanh nghiệp và công tác lập kế hoạch trong doanh nghiệp. Học phần Quản trị doanh nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp; Nhà quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp; Giám đốc doanh nghiệp; Phân cấp và phân quyền trong quản trị doanh nghiệp; Thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp; Phương pháp quản trị doanh nghiệp; Quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Đổi mới trong quản trị doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho học viên những kiến thức về các các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam và thủ tục, trình tự thành lập một doanh nghiệp....; Kiến thức về công tác quản trị doanh nghiệp; Kiến thức về tổ chức quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp và công tác kế hoạch trong doanh nghiệp. Kỹ năng trình bày về doanh nghiệp, kinh doanh; Liệt kê và mô tả được các bước và trình tự tạo lập doanh nghiệp; Vận dụng được kiến thức quản trị trong thảo luận; Hiểu và giải thích được vai trò, đặc điểm, các chỉ tiêu về các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp. Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về doanh nghiệp.

10.17. *Quản lý tài chính công (Học phần: QLTC 517): 3TC*

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý tài chính công nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; ngoại tác; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công. Học phần Quản lý tài chính công là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung của học phần: trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Huy động vốn tín dụng nhà nước; Tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; Hệ thống ngân sách nhà nước; Cân đối ngân sách nhà nước và quản lý nợ công; Quản lý các quỹ tài chính công tại kho bạc nhà nước; Quản lý tài chính công theo phương thức đầu ra; Quản lý công sản; Chính sách tài chính công của Việt Nam.

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức về chính sách tín dụng của nhà nước; Quản lý NSNN, cân đối NSNN, biện pháp xử lý thiếu hụt tạm thời và bội chi NSNN vào thực tiễn quản lý NSNN ở VN; Soạn lập ngân sách theo đầu tư; Phân tích nghiệp vụ quản lý tài chính công qua kho bạc nhà nước, quản lý công sản. Phân tích hoạt động của các quỹ tài chính công (chủ yếu là NSNN), tương tác của nó đến các đối tượng khác nhau trong xã hội; Phân tích đánh giá các tác động mà một chính sách tài khóa có thể gây ra, tác động đến đời sống kinh tế xã hội; Đánh giá, phân tích và lựa chọn hay các phương án chính sách phù hợp trên phương diện mục tiêu chính sách, các hiệu ứng phụ của chính sách. Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về tài chính công.

10.18. Phân tích Kinh tế - Tài chính (Mã học phần: PTKT 518): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Phân tích kinh tế - tài chính giúp người quản lý nhận thức đúng đắn về thực trạng doanh nghiệp/cơ quan về môi trường kinh doanh, xác định được những mặt mạnh, lợi thế cũng như những yếu kém, tụt hậu, những tiềm năng khác của doanh nghiệp/cơ quan. Qua đó đưa ra được những quyết định phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển hiệu quả của doanh nghiệp/cơ quan trong thời gian tới. Học phần Phân tích Kinh tế - Tài chính là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về phân tích Kinh tế - Tài chính; Phân tích kết quả và tình hình sản xuất trong các doanh nghiệp; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh; Phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm

Mục tiêu học phần: Trang bị những vấn đề cơ bản về phân tích Kinh tế - Tài chính doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức đã học có thể phân tích tình hình tài chính của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Học viên có đánh giá chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường biến động.

10.19. Quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ (Mã học phần: TCTT 519): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ cung cấp những kiến thức chuyên sâu quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính, tín dụng, thuế, ngân sách nhà nước và thị trường chứng khoán trong nền kinh tế thị trường. Học phần Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Quản lý nhà nước về tài chính; Quản lý ngân sách nhà nước; Quản lý nhà nước về Tín dụng; Quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán.

Mục tiêu học phần: Học viên phải nắm vững những kiến thức lý luận chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ như: Quản lý nhà nước về tài chính, Quản lý nhà nước về tín dụng, Quản lý thuế, Quản lý ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán. Học viên biết vận dụng các lý luận chuyên sâu về quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ để phân tích và xây dựng chính sách và cơ chế tài chính; nâng cao khả năng dự báo, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của tài chính - tiền tệ.

10.20. Quản lý thuế (Mã học phần: QLT 520): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết về quản lý thuế tổ chức bộ máy quản lý thuế, tổ chức quy trình quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, dự toán thu thuế, kế toán thuế, thống kê thuế, tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế. Học phần cũng cung cấp cho học viên mô hình tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thu thuế Việt Nam; các quy trình quản lý thuế; các nội dung, phương pháp thanh tra, kiểm tra thuế, quy trình nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thuế; nội dung, quy trình và phương pháp lập dự toán thu thuế; nội dung và quy trình tuyên truyền, hỗ trợ thuế; nội dung công tác kế toán, thống kê thuế; nội dung công tác quản lý thuế trên máy tính. Học phần Quản lý thuế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về quản lý thuế; Thủ tục thuế; Tổ chức bộ máy thu thuế và quy trình quản lý thuế ở Việt Nam; Dự toán thu thuế; Quản lý Kế khai, Kế toán và thống kê thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế; Dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế và tuyên truyền pháp luật thuế; Quản lý nợ và cưỡng chế thuế; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế.

Mục tiêu học phần: Nắm được các vấn đề lý luận và các nội dung cơ bản về: quản lý thuế, tổ chức bộ máy thu thuế, quy trình quản lý thuế, dự toán thu thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, kế toán thuế, quản lý ấn chỉ thuế, thống kê thuế, dịch vụ hỗ trợ đối tượng nộp thuế, phân tích, đánh giá các vấn đề phức tạp liên quan đến quản lý thuế. Thực hiện các thao tác nghiệp vụ trong quy trình quản lý như thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế, quản lý ấn chỉ, lập dự toán thu thuế, thực hành quản lý thuế trên máy tính... Phối hợp công việc với người khác trong quản lý thuế, chẳng hạn như kỹ năng phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, kỹ năng phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật... Phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề về quản lý thuế.

10.21. *Quản lý tài sản công (Mã học phần: QLTSC 521): 2TC*

Vai trò, vị trí của học phần: Trang bị cho người học những kiến thức về quản lý tài sản công như phân loại tài sản công, phân cấp quản lý tài sản công, trách nhiệm quản lý của nhà nước ở các cấp về quản lý tài sản công, qui định về mua sắm, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp, tổ chức nhà nước, chính sách quản lý của nhà nước về tài sản công. Học phần Quản lý tài sản công là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tài sản công và quản lý tài sản công; Quản lý tài sản công khu vực hành chính; Quản lý tài sản công thuộc kết cấu hạ tầng; Quản lý tài sản nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; Quản lý tài chính đối với đất đai và các tài nguyên khác; Định giá tài sản công.

Mục tiêu học phần: Học viên phải nắm vững những kiến thức lý luận chuyên sâu về lĩnh vực quản lý tài sản công. Biết vận dụng các lý luận chuyên sâu về quản lý tài sản công để tổ chức, quản lý cũng như sử dụng hiệu quả tài sản công tại các cơ quan, đơn vị theo đúng qui định.

10.22. *Quản lý nhà nước và phát triển nguồn nhân lực (Mã học phần: QLNNL 522): 2TC*

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trang bị cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về quản lý và phát triển nguồn nhân lực. Học phần Quản lý và phát triển nguồn nhân lực là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Quản lý giáo dục; Phát triển nguồn nhân lực; Đào tạo nguồn nhân lực; Quản lý nguồn nhân lực.

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức về quản lý giáo dục; Quá trình quản lý giáo dục và quản lý giáo dục trong xu thế toàn cầu hóa, vai trò then chốt của phát triển nguồn nhân lực trong các tổ chức hoạt động trong bối cảnh môi trường kinh doanh cạnh tranh và thay đổi nhanh; Nắm được những kiến thức cơ bản về phân tích công việc, tuyển chọn, đào tạo, đánh giá kết quả công việc và quản lý hệ thống lương,... trong tổ chức; Phát triển các kỹ năng phân tích công việc, tuyển chọn, đào tạo, đánh giá kết quả công việc và quản lý hệ thống lương,... Tích cực vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động Quản lý giáo dục và phát triển nguồn nhân lực.

10.23. *Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo (Mã học phần: QLASXH 523): 2TC*

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo, làm nền tảng để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần Quản

lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế xã hội bền vững có hiệu quả.

Nội dung cơ bản của học phần: An sinh xã hội; Xóa đói giảm nghèo; Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo. Học phần cung cấp kiến thức về quan hệ giữa An sinh xã hội, Công tác xã hội và Chính sách xã hội. Đồng thời những vấn đề về hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, quan hệ giữa hệ thống an sinh xã hội với hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị, các lĩnh vực của an sinh xã hội trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về khái niệm An sinh xã hội, lịch sử hình thành an sinh xã hội, những yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống an sinh xã hội, hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam như Bảo hiểm xã hội (khái niệm bảo hiểm xã hội, nguyên tắc của bảo hiểm xã hội, các chế độ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm xã hội), Trợ giúp xã hội (khái niệm trợ giúp xã hội, các chế độ trợ giúp xã hội, quỹ trợ giúp xã hội), Chính sách việc làm. Rèn luyện kỹ năng tra cứu và nghiên cứu các tư liệu về an sinh xã hội; đánh giá các đợc hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay, kỹ năng hướng dẫn cho các đối tượng thực hiện chính sách an sinh xã hội. Học viên có ý thức cập nhật các chính sách an sinh xã hội trong từng giai đoạn Việt Nam và các nước trên thế giới.

10.24. Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn (Mã học phần: QLNNNT 524): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần sẽ bao gồm các kiến thức chuyên sâu về quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn. Bên cạnh việc tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của nông nghiệp và nông thôn, học phần đi sâu phân tích các yếu tố của nghiên cứu mô hình nông nghiệp tại nước ta hiện nay, từ đó đưa ra định hướng phát triển nông nghiệp gắn với kinh tế nông thôn. Học phần Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của học phần quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn; Các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quản lý theo mô hình hoạt động nông nghiệp ở Việt Nam; Quản lý nông nghiệp gắn liền với phát triển nông thôn bền vững.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho người học các nguyên lý kinh tế áp dụng vào nông nghiệp và phát triển nông thôn, vận dụng các nguyên lý của kinh tế sản xuất (tổ chức các loại hình tổ chức kinh tế, tổ chức nguồn lực, các kỹ năng ra quyết định),

Kinh tế marketing, Kinh tế thương mại và Kinh tế phát triển áp dụng trong nông nghiệp và phát triển nông thôn. Kỹ năng đánh giá kinh tế nông nghiệp và nông thôn, phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế trong nông nghiệp, các kỹ năng mềm trong làm việc nhóm, thuyết trình, viết báo cáo, những kỹ năng cụ thể trong quản lý các mô hình hoạt động nông nghiệp. Đồng thời thông qua học phần, học viên biết vận dụng những kiến thức quản lý để giải quyết những vấn đề trong chọn lựa mô hình hoạt động nông nghiệp để gắn với phát triển nông thôn bền vững. Học viên có ý thức cập nhật các chính sách về nông nghiệp và phát triển nông thôn trong từng giai đoạn Việt Nam và các nước trên thế giới.

10.25. Quản lý năng lượng và môi trường (Mã học phần: QLNLMT 525): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần sẽ bao gồm các kiến thức chuyên sâu về quản lý năng lượng và môi trường. Bên cạnh việc tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của năng lượng và môi trường, mối quan hệ giữa năng lượng và môi trường; từ đó đi sâu nghiên cứu về các loại năng lượng tái tạo và năng lượng không tái tạo. Đưa ra các hướng quản lý năng lượng và môi trường. Học phần Quản lý năng lượng và môi trường là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Tổng quan về năng lượng và môi trường; Năng lượng không tái tạo; Năng lượng mới và tái tạo; Quản lý năng lượng và môi trường.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho học viên các kiến thức về quản lý năng lượng, tài nguyên và môi trường. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể vận dụng các kiến thức về quản lý kinh tế trong quản lý năng lượng, tài nguyên và môi trường hiệu quả nhất dưới góc độ kinh tế - môi trường - xã hội. Kỹ năng thao tác và phối hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích các vấn đề trong quản lý năng lượng, tài nguyên và môi trường. Có năng lực tự chủ và trách nhiệm có nhận thức đúng đắn về vấn đề năng lượng, tài nguyên và môi trường trong quản lý phát triển nói chung.

10.26. Quản lý khoa học và công nghệ (Mã học phần: QLKHCN 526): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của khoa học và công nghệ, phân tích các yếu tố của nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và tác động của chúng đối với hoạt động quản lý; sự chuyên giao khoa học và công nghệ tạo nên mối liên kết trong hoạt động quản lý chung. Học phần Quản lý khoa học và công nghệ là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Khái quát về khoa học và công nghệ; Môi trường công nghệ; Đánh giá, lựa chọn khoa học và công nghệ; Năng lực khoa học và công nghệ; Chuyển giao khoa học và công nghệ; Đổi mới quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ.

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản và hiện đại về khoa học công nghệ và quản lý khoa học công nghệ. Giúp người học có khả năng vận dụng trong đánh giá khoa học công nghệ, hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, thực hiện việc lựa chọn, đổi mới và chuyển giao công nghệ... để đạt được hiệu quả cao khi tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như các hoạt động quản lý vĩ mô. Có kỹ năng phân tích, đánh giá khoa học công nghệ, hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ; kỹ năng lựa chọn, đổi mới và chuyển giao công nghệ; kỹ năng trong quản lý các hoạt động khoa học công nghệ. Giúp người học yêu thích tìm hiểu các vấn đề trong hoạt động quản lý khoa học công nghệ; có tầm nhìn đúng đắn về vai trò, vị trí của khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội.

10.27. Quản lý thương mại quốc tế (Mã học phần: QLTMQT 527): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý thương mại quốc tế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về quản lý thương mại quốc tế để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế xã hội có hiệu quả.

Nội dung cơ bản của học phần: Lý thuyết về thương mại quốc tế; Các phương thức thương mại quốc tế; Các định chế và chủ thể trong thương mại quốc tế; Lý thuyết thương mại quốc tế và các chính sách; Hợp đồng thương mại quốc tế; Vận tải và giao nhận trong thương mại quốc tế; Bảo hiểm trong thương mại quốc tế; Thanh toán trong thương mại quốc tế; Chứng từ trong thương mại quốc tế.

Mục tiêu học phần: Học viên hiểu được nguyên nhân phát sinh hoạt động thương mại quốc tế, mô thức thương mại quốc tế thường được áp dụng như thế nào và lợi ích ra sao, môi trường hoạt động của thương mại quốc tế, các quốc gia vận dụng chính sách thương mại quốc tế như thế nào để mang lại lợi ích tối ưu cho nền kinh tế. Trên cơ sở đó, học viên hiểu được các xu hướng phát triển của thương mại quốc tế, từ đó tìm hiểu các định chế hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp với điều kiện hội nhập khu vực và toàn cầu để vận dụng hợp lý, có hiệu quả vào thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam. Kỹ năng phân tích các mô hình thương mại giữa các quốc gia trên thế giới, phân tích chính sách thuế quan, chính sách thương mại của các quốc gia trên thế giới, phân tích bản chất và tác động của các liên kết kinh tế quốc tế trên thế giới; Có tư duy năng

động và sáng tạo, nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và bản chất của học phần trong bối cảnh mới của nền kinh tế thế giới, hình thành định hướng nghiên cứu về quan hệ thương mại và thương mại quốc tế, hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành.

10.28. Tâm lý học lãnh đạo quản lý (Mã học phần: TLHLĐ 528): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Tâm lý học lãnh đạo quản lý là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về tâm lý học lãnh đạo quản lý để ứng dụng vào các lĩnh vực quản lý khác nhau.

Nội dung của học phần: Những vấn đề chung về tâm lý học và tâm lý học lãnh đạo, quản lý; Khái niệm quản lý và lãnh đạo; Những hiện tượng tâm lý trong hoạt động lãnh đạo, quản lý; Những đặc điểm tâm lý - nhân cách của người lãnh đạo quản lý; Uy tín của người lãnh đạo; Những yếu tố tâm lý trong công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ; quản lý các quá trình kinh tế - xã hội hiện nay.

Mục tiêu học phần: Nhận thức về các quy luật và cơ chế vận hành các quy luật tâm lý, tâm lý xã hội của cá nhân và nhóm người trong môi trường hoạt động quản lý, nắm được các kiến thức về tâm lý xã hội phổ biến trong tập thể, những khía cạnh tâm lý trong công tác tổ chức, nắm được các kiến thức về hoạt động, giao tiếp, nhân cách nhà quản lý, động cơ người lao động, cơ sở tâm lý học của việc nâng cao hiệu quả quản lý; Có kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết các tình huống của hoạt động lãnh đạo quản lý, có kỹ năng quản lý nhóm, tập thể, đánh giá, tuyển chọn, sắp xếp các thành viên trong một tổ chức, vận dụng các kỹ năng lãnh đạo quản lý vào thực tiễn của đơn vị doanh nghiệp; Có thái độ, ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, với lãnh đạo, cộng đồng trong công việc và hoạt động xã hội.

10.29. Chuyên đề thực tế (Mã học phần: CĐTTS19): 2TC

Vai trò, vị trí của học phần: Là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức thực tiễn về quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

Nội dung của chuyên đề: Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức thực tiễn về quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam và thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành, lĩnh vực ở các cấp quản lý khác nhau; Đề xuất giải pháp hoàn thiện đối với công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam nói chung hoặc theo ngành, lĩnh vực ở từng cấp quản lý nói riêng. Chuyên đề có tính liên thông chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành trong CTĐT để hoàn thiện khối kiến thức chuyên sâu và có khả năng ứng dụng thực tiễn cao phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng.

Mục tiêu chuyên đề: Cung cấp kiến thức thực tiễn về quan điểm, phương pháp, công cụ, chính sách vĩ mô trong quản lý nhà nước về kinh tế tại Việt Nam; Thực tiễn

quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành, theo lĩnh vực từ cấp trung ương, tỉnh/thành phố, huyện, xã và sở ban ngành. Người học học xong chuyên đề có khả năng tư duy độc lập, vận dụng thực tiễn vào trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở các cấp, ngành, lĩnh vực tại Việt Nam, đặc biệt liên hệ tại cơ quan công tác.

11. Các chương trình, tài liệu tham khảo

- Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục Đại học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2021).
- Trường Đại học Hải Dương, Quyết định số 500/QĐ-ĐHHD, ngày 09/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.
- Trường Đại học Hải Dương, Quyết định số 457/QĐ-ĐHHD, ngày 02/12/2021 về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương.
- Trường Đại học Hải Dương, Quyết định số 421/QĐ-ĐHHD, ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc thành lập Tổ thu thập thông tin, tổ rà soát chương trình đào tạo Đợt 2 năm 2021.
- Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của các trường đại học: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Thương mại; Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Nguyệt



TS. Vũ Đức Lễ